

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-PT

Ngày: 16/02/2022

*“V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu di dời nhà trả lại
đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán:

Ông Võ Hoàng Khải

Ông Nguyễn Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLPT- DS, ngày 14 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 153/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2021 và Thông báo dời phiên tòa xét xử phúc thẩm số 03/TB-TA ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kim Thị Hồng L, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Luật sư: Trương Thanh Việt – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thy, đoàn Luật sư Tỉnh Hậu Giang bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

- Bị đơn: Anh Kim M, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Tăng T, sinh năm: 1961

2/ Ông Kim X, sinh năm: 1964

3/ Anh Trầm Văn H, sinh năm: 1984 (có mặt)

4/ Chị Lý Thị N, sinh năm: 1963 (có mặt)

5/ Anh Kim T1, sinh năm: 1984

6/ Chị Thị O, sinh năm: 1986

7/ Chị Kim D, sinh năm: 1985

8/ Anh Sơn B, sinh năm: 1982

9/ Ông Kim B1, sinh năm: 1954

10/ Bà Kim Thị D1, sinh năm: 1957

Người giám hộ cho ông Kim B1 và bà Kim Thị D1: Bà Kim Thị Hồng L

Cùng địa chỉ: Ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

11/ Ông Kim Sâm N1 (Kim Sam N2), sinh năm: 1969

12/ Anh Kim Hoàng N3, sinh năm: 1994 (Con ông Kim Hoàng N3)

13/ Anh Kim Hoàng N4, sinh năm: 1999 (Con ông Kim Hoàng N3)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

14/ Ông Kim Sóc K, sinh năm: 1973

15/ Bà Thạch Thị T2, sinh năm: 1977

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T1, tỉnh Trà Vinh.

16/ Ngân hàng N- Chi nhánh huyện V, tỉnh Hậu Giang; địa chỉ: Ấp 03, thị trấn N1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K1 - Chủ tịch Hội đồng T1 viên.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Thanh H1 - Giám đốc Chi nhánh.

Ông Nguyễn Phước G - Trưởng phòng Khách hàng Kinh doanh Agribank - Chi nhánh huyện V, tỉnh Hậu Giang

(Theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên; văn bản ủy quyền số 376/GUQ-NHNo.VT-KHKD ngày 13/8/2020).

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Kim Thị Hồng L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Kim Thị Hồng L trình bày: Vào năm 2010, mẹ chị L là bà Thạch Thị T4 (đã chết), để lại cho chị L được hưởng thừa kế các đất số 313, 314, 1035 và 325, thuộc tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang, được

chỉnh lý, biến động sang tên cho chị Kim Thị Hồng L đứng tên; các anh chị em và anh Kim M đều đồng ý ký tên cho chị L phần đất này, chỉ có anh Kim Sâm N1 ở Ủy ban xã không ký tên vì ở xa, chị nhận phần đất này với lý do nuôi hai người (anh và chị) bị dị tật bẩm sinh. Trước đây, đường đi vào đất của anh Kim M khó khăn vì ở phía sau đất chị L nên mẹ chị L cho anh M ở nhờ, anh M đang ở nhờ trên đất của mẹ chị và cất nhà tình thương ngang 4m x 9m; đến nay bị đơn anh Kim M mua vật liệu cất nhà kiên cố trên phần đất ở nhờ và lấn chiếm thêm vào đất của chị L có chiều ngang 14m, dài 40m. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Kim M phải tháo dỡ căn nhà trả lại toàn bộ phần đất có chiều ngang 14m, dài 40m, tại thửa 313, tờ bản đồ số 08, tại ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2019, đơn yêu cầu phản tố ngày 31/7/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Kim M trình bày: Anh là con ông Kim R với bà Thạch Thị T4 (cha mẹ đều đã chết), là anh ruột của Kim Thị Hồng L. Vào năm 1980, anh được mẹ tặng cho phần đất này, việc tặng cho không có lập văn bản, sau khi được tặng cho anh liên tục sử dụng cho đến nay, quá trình sử dụng có công bồi đắp. Trước đây, anh có xây nhà tạm bợ để sinh sống, đến năm 1995 được Nhà nước xét cất nhà tình thương, đến năm 2018 căn nhà tình thương bị hư hỏng nặng, nên tháo dỡ để cất nhà kiên cố ngay trên phần đất cất căn nhà tình thương trước đó; trên đất còn có các con: Kim T1, Thị O, Kim D và Sơn B là con trai, con gái, con dâu và con rể đang sinh sống. Do đó, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu Tòa án công nhận phần đất ngang 14m, dài 40m, tại thửa 313, tờ bản đồ số 08, tại ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang thuộc quyền sở hữu của bị đơn; trường hợp phải di dời thì yêu cầu trả chi phí di dời và công sức bồi đắp theo quy định.

Tại văn bản ngày 03/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim Sâm N2 (Kim Sâm N1) có yêu cầu độc lập trình bày: Cha mẹ anh N2 là ông Kim R và bà Thạch Thị T4; cha mẹ anh sinh được các anh chị em ruột gồm: anh Kim B1 và chị Kim Thị D1 (đang sống với L), anh Kim Phúc (chết không có vợ con), anh Kim M, anh Kim Hoàng N3 (đã chết), Kim Sóc K và Kim Thị Hồng L. Lúc cha mẹ còn sống đã chia đất cho các anh gồm: Kim M, Kim Sóc K, Kim Hoàng N3, những người còn lại chưa được cha mẹ cho đất; do đó, phần đất do cha mẹ để lại, anh N2 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Tại văn bản ngày 03/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng T (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Giữa ông với chị Kim Thị Hồng L và anh Kim M là anh em bạn dì ruột. Vào khoảng năm 2011, ông T có sang một phần đất của ông Kim Sóc K có chiều ngang cặp lộ là 14m, dài từ mé kênh Làng

Bền chạy vào là 30m, với giá thỏa thuận là 90.000.000đ, sau khi sang đất thì ông K về bên vợ ở Trà Vinh cho đến nay, việc sang bán có làm giấy tay được ông Ba Đô làm Trưởng ấp ký tên, đến năm 2017 ông T mới cất nhà ở ổn định, từ khi sang cho đến nay cũng chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giữa ông T với chị L và anh M không có tranh chấp, việc tranh chấp giữa chị L với anh M thì ông T không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại văn bản ngày 14/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim X (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Ông X với chị Kim Thị Hồng L và anh Kim M không có bà con gì. Vào năm 2011, ông X có sang một phần đất của chị Kim Thị Hồng L có chiều ngang cặp lộ 08m (kinh Làng Bền), dài từ mé kinh Làng Bền chạy vào khoảng 30m, với giá 60.000.000đ, việc sang có làm giấy tay có chị L và anh Trầm Văn H (chồng chị L) ký tên, sau khi sang ông X đã cất nhà ở và làm trại cưa ổn định cho đến nay nhưng chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi sang cho đến nay, giữa ông X với chị L cũng không có tranh chấp gì, khi tôi cất nhà không có ai phản đối hay tranh chấp. Việc tranh chấp đất đai giữa chị L với anh M, ông X không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại văn bản ngày 09/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Kim Hoàng N3 và Kim Hoàng N4 (con ông Kim Hoàng N3, không có yêu cầu độc lập) trình bày: Các anh là con ông Kim Hoàng N3 (đã chết) và bà Sơn Thị Hương, gia đình không nhận tài sản thừa kế và xin giao lại cho cô Kim Thị Hồng L để nuôi mẹ, chúng tôi cam đoan không khiếu nại gì sau nữa.

Tại văn bản ngày 14/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị N (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Chồng bà N tên Kim M (anh ruột của Kim Thị Hồng L). Phần đất bà N với ông M đang quản lý sử dụng là do cha mẹ chồng cho từ năm 1990, việc cho không có làm giấy tờ gì, từ khi cha mẹ cho đến nay cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời điểm cha mẹ cho đất thì không có nói ngang dài bao nhiêu. Trước đây, bà N với ông M cất nhà tạm, đến năm 2018 mới cất nhà như hiện nay, sau khi cất nhà mới phát sinh tranh chấp. Quá trình sử dụng ông M với bà N có cải tạo, bồi đắp mới được như hiện nay. Do đó, bà N thống nhất với yêu cầu phản tố của ông M và đề nghị công nhận cho ông bà được sử dụng phần đất này.

Tại văn bản ngày 14/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Kim T1 (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Anh là con ông Kim M và bà Lý Thị N. Vợ anh T1 tên Thị O, hiện nay chị O đang làm ở Bình Dương. Việc tranh chấp đất giữa cha anh T1 với cô ruột là Kim Thị Hồng L anh T1 có nghe, bởi vì anh T1 không có nhà, anh T1 đã đi làm từ 8 - 9 năm nay, cả năm mới về nhà được 01 lần. Hiện nay anh T1 không còn sống chung với ông M với bà N, các

con anh T1 cũng không còn sống với ông M với bà N nữa. Thời điểm ông bà nội cho đất cha mẹ (ông M với bà N), thì anh T1 không biết.

Tại văn bản ngày 14/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Sơn B (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Anh Sơn B là con rể ông Kim M và bà Lý Thị N. Vợ anh Sơn B tên là Kim D, hiện nay vợ chồng anh Sơn B đang làm ở Bình Dương, do đi làm xa nên 02 đứa con của anh B với chị D gửi ông bà ngoại (ông M với bà N). Việc tranh chấp đất giữa ông M với cô ruột vợ là Kim Thị Hồng L thì anh B có nghe vì cả năm mới về nhà được 01 lần. Thời điểm ông bà bên ngoại cho đất cha mẹ vợ (ông M với bà N) thì anh B chưa sinh.

Tại văn bản ngày 14/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Kim D (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Chị D là con ruột ông Kim M và bà Lý Thị N. Chồng chị tên Sơn B, hiện nay vợ chồng chị đang đi làm ở Bình Dương, do đi làm xa nên 02 đứa con chị D với anh B gửi ông bà ngoại (ông M, bà N). Việc tranh chấp đất giữa ông M với bà L thì chị D có nghe nói, vì không có ở nhà.

Tại văn bản ngày 14/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trâm Văn H (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Anh H là chồng của chị Kim Thị Hồng L, anh H với chị L cưới nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn. Nguồn gốc phần đất chị L đang quản lý, sử dụng là do cha mẹ để lại, lúc anh H về làm rể thì anh Kim M đã cất nhà ở kế bên, thời điểm phát sinh tranh chấp khi anh M dỡ bỏ nhà cũ và cất nhà mới. Việc cha mẹ vợ anh H cho anh M đất ngang dài bao nhiêu thì anh H không rõ, lúc anh M cất nhà tình thương ngang khoảng 04m, sau đó anh M dỡ nhà tình thương để cất nhà mới nên phát sinh tranh chấp. Do anh H ở rể, đất đai cha mẹ bên vợ để lại nên anh H không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại văn bản ngày 20/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N- Chi nhánh huyện V (không có yêu cầu độc lập) do ông Nguyễn Phước G đại diện trình bày: Chị Kim Thị Hồng L có vay tiền tại Ngân hàng N- Chi nhánh huyện V (Ngân hàng), khi vay chị L có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số H 131878 – 000178, cấp ngày 01/8/1996, theo Hợp đồng thế chấp số 7003-LCL-202000235 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V. Hiện nay, chị L chưa vi phạm hợp đồng, nên Ngân hàng tiếp tục thực hiện hợp đồng; trường hợp các bên liên quan đến một số hoặc tất cả diện tích trong GCNQSDĐ nêu trên thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tương ứng cho Ngân hàng, nếu chị L vi phạm nghĩa vụ với Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thạch Thị T2 và ông Kim Sóc K, chị Thị O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì về tranh chấp trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị Hồng L đối với bị đơn anh Kim M.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Kim M về việc: Yêu cầu Tòa án công nhận phần đất ngang 14m, dài 40m, tại thửa 313, tờ bản đồ số 08, tại ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000178, cấp ngày 01/8/1996 do hộ bà Thạch Thị T4 đứng tên.

Tạm giao cho anh Kim M một phần đất tại thửa số 314, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang thuộc vị trí số (I), diện tích là: 390,1m²; để các đương sự yêu cầu giải quyết chia thừa kế bằng một vụ án khác.

Tạm giao cho anh Kim M một phần đất tại thửa số 314, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang thuộc vị trí số (III), giáp kênh Làng Bền, diện tích là: 78,6m²; để các đương sự yêu cầu giải quyết chia thừa kế bằng một vụ án khác.

Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của anh Kim Sam N2 (Kim Sam N1), về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Anh Kim Sam N1 có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế bằng một vụ án khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, các quyền, nghĩa vụ về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/02/2021, nguyên đơn chị Kim Thị Hồng L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc anh Kim M trả lại phần đất diện tích là: 390,1m², tờ bản đồ số 08, tại ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Kim Thị Hồng L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, tuy nhiên, đồng ý giao toàn bộ phần diện tích đất tranh chấp là 390,1m² cho anh Kim M và anh Kim M phải trả giá trị quyền sử dụng sau khi trừ đi 40,5m² anh Kim M cất nhà tình thương trước đó với giá là 80 triệu đồng.

Bị đơn anh Kim M đồng ý nhận đất và đồng ý giao lại số tiền 80 triệu đồng theo yêu cầu của chị L.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm, từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Kim Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Kim M phải tháo dỡ căn nhà, trả lại toàn bộ phần đất có diện tích là: 390,1m², tại ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Bị đơn anh Kim M có đơn phản tố yêu cầu Tòa án công nhận phần đất ngang diện tích là: 390,1m² thuộc quyền sở hữu của bị đơn, trường hợp phải di dời thì yêu cầu trả chi phí di dời và công sức bồi đắp theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là chưa đủ, cần phải xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời nhà trả lại đất” mới đủ và đúng quy định pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đồng ý thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể nguyên đơn đồng ý giao toàn bộ phần đất đang tranh chấp diện tích 390,1m² cho anh Kim M quản lý, sử dụng và anh Kim M phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho chị L với giá là 80 triệu đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa không trái với quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Theo lược đồ đo vẽ phần đất tranh chấp có diện tích 390,1m² trong đó có 78,6m² (tại vị trí III) đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn Kênh Làng Bèn do nhà nước quản lý. Xét thấy, phần đất này đang do anh Kim M canh tác, nên tạm giao cho anh Kim M quản lý sử dụng khi nhà nước có nhu cầu sử dụng thì anh Kim M phải giao lại.

Đối với ông Kim Sâm N1 (Kim Sâm N2) có yêu cầu độc lập nhưng tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt hai lần không lý do, do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Kim Sâm N1 (Kim Sâm N2) là đúng quy định.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 5, Điều 203 Luật đất đai;

Điều 158, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Kim Thị Hồng L.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị Hồng L.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn anh Kim M

Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị Kim Thị Hồng L với anh Kim M

Công nhận phần đất có diện tích 390,1m² (theo lược đồ đo vẽ tại vị trí số I) một phần thửa số 314, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Có tứ cận: ngang cặp Lộ bê tông là 14m, ngang sau 14m, dài giáp thửa 274 là 30,32m, dài cạnh còn lại 26,98m, cho anh Kim M được quyền sử dụng.

Tạm giao cho anh Kim M được quản lý, sử dụng một phần đất tại thửa số 314, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 05, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang tại vị trí (III), giáp kênh Làng Bền. Có tứ cận: ngang giáp Lộ bê tông là 13,96m, ngang giáp kênh Làng Bền 13,82m, dài giáp thửa 274 là 5,94m, dài giáp vị trí (IV) là 5,99m, diện tích là: 78,6m² khi nào nhà nước có nhu cầu sử dụng anh Kim M phải giao lại. Anh Kim M được quyền sử dụng hoa màu trên phần đất được công nhận và phần đất tạm giao.

(Theo Sơ đồ thửa đất số: 124/TTKTTN&MT ngày 03/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang tỉnh Hậu Giang).

Anh Kim M có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất cho chị Kim Thị Hồng L với số tiền là 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của anh Kim Sam N2 (Kim Sam N1), về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Anh Kim Sam N1 có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế bằng một vụ án khác.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 5.785.255đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi lăm đồng), chị Kim Thị Hồng L và anh Kim M mỗi người phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 2.893.000 đồng (Hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng), chị L đã nộp xong, anh Kim M phải nộp 2.893.000đồng (Hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) để trả lại cho chị L.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Kim Thị Hồng L phải nộp án phí số tiền là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), chuyển 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021060, ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Bị đơn anh Kim M phải nộp án phí số tiền là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000979, ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), do ông Kim Sâm N1 (Kim Sam N2) đã nộp theo biên lai thu số 0003634, ngày 27/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Chị Kim Thị Hồng L được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008361 ngày 03/02/20212020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 16/02/2022.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Khải Nguyễn Đình Tiến

Trịnh Thị Bích Hạnh